

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại Điều 176 Luật doanh nghiệp năm 2020, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
2. Mã chứng khoán: NNT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 14 Tô Hiệu, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.

4. Điện thoại: 0944.851.719

Fax: 0259.3832020

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Hữu Hùng**

6. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022, bao gồm:

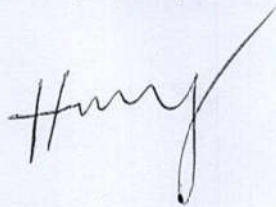
- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT, TC-HC.



**Nguyễn Hữu Hùng**

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**Đình Ân**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC  
NINH THUẬN**

Số: 2257/CNNT

Về việc giải trình vấn đề nhân  
mạnh của kiểm toán và điều chỉnh  
hồi tố trong Báo cáo tài chính  
năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trước tiên, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (mã chứng khoán: NNT) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý cơ quan và chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 và ý kiến nhân mạnh của kiểm toán về bản án phúc thẩm liên quan đến tranh chấp giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận và Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải: *“Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 31, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và phân loại lại một số số liệu của Báo cáo tài chính các năm trước theo Kết luận của Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDMT-PT ngày 20/12/2022 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (“Đông Mỹ Hải”), đồng thời cho đến thời điểm hiện tại, khoản công nợ phải thu Đông Mỹ Hải liên quan đến kết luận của bản án phúc thẩm này đang được Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Thuận thực hiện thu hồi từ Đông Mỹ Hải theo Quyết định số 69/QĐ-CTHADS ngày 06/02/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án Dân sự. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.”*

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là Công ty) xin giải trình về vấn đề nhân mạnh của kiểm toán và điều chỉnh hồi tố trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 như sau:

Từ tháng 7/2018 đến ngày 31/12/2021, Công ty đã ghi nhận doanh thu tiền nước, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, trích dự phòng khoản phải thu tiền nước khó đòi, tính thuế thu nhập doanh nghiệp,... theo đơn giá tiền nước là 7.000 đồng/m<sup>3</sup> và được thể hiện trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ năm 2018 đến năm 2021.

Tuy nhiên, theo kết quả xét xử tại Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT, từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2019, Công ty thực hiện giá bán buôn cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là 2.845 đồng/m<sup>3</sup> (đã bao gồm VAT) theo Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ và từ ngày 01/10/2019 cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới, Công ty thực hiện giá bán buôn theo giá có VAT là 6.300 đồng/m<sup>3</sup>.

Do đó, để thực hiện đúng theo Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và trình bày lại các khoản mục có liên quan đến các giao dịch với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải như: doanh thu tiền nước, doanh thu tài chính, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, trích dự phòng khoản phải thu khó đòi, thuế thu nhập doanh nghiệp,... trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh từ năm 2018 đến năm 2021 và thể hiện điều chỉnh hồi tố này trong Báo cáo tài chính năm 2022.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về vấn đề nhấn mạnh của kiểm toán và điều chỉnh hồi tố trong Báo cáo tài chính năm 2022.

Trân trọng kính báo./.

*(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh)*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



**Đinh Ân**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

---

Tháng 3 năm 2023

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Ân	Thành viên
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Đinh Ân	Giám đốc
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc

#### Ban kiểm soát

Bà Bá Bạch Thùy Tiên	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên
Bà Vũ Đình Trúc Vi	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022

#### *Người đại diện pháp luật*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đinh Ân – Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đinh An**  
**Giám đốc**

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023

893  
G T  
PH  
NU  
TH  
HÀ

Số: 064 /VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**  
**Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 31, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và phân loại lại một số số liệu của Báo cáo tài chính các năm trước theo Kết luận của Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDMT-PT ngày 20/12/2022 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (“Đông Mỹ Hải”), đồng thời cho đến thời điểm hiện tại, khoản công nợ phải thu Đông Mỹ Hải liên quan đến kết luận của bản án phúc thẩm này đang được Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Thuận thực hiện thu hồi từ Đông Mỹ Hải theo Quyết định số 69/QĐ-CTHADS ngày 06/02/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án Dân sự. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.



  
**Chử Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023*

  
**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2023-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>219.069.091.764</b>	<b>211.975.793.154</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.047.541.390</b>	<b>6.205.808.164</b>
1. Tiền	111	4	11.047.541.390	6.205.808.164
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>167.000.000.000</b>	<b>164.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	167.000.000.000	164.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.992.141.893</b>	<b>29.166.508.998</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.458.556.148	16.334.443.077
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.000.000	31.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.063.962.966	16.828.551.163
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(7.555.377.221)	(4.027.485.242)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>6.342.432.828</b>	<b>8.671.003.293</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.342.432.828	8.671.003.293
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.686.975.653</b>	<b>3.932.472.699</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	321.348.679	392.423.168
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.365.626.974	3.540.049.531
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.279.169.361</b>	<b>158.978.885.253</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>121.052.673.571</b>	<b>145.938.728.943</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	121.037.539.741	145.740.427.379
- Nguyên giá	222		473.249.775.478	470.760.122.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(352.212.235.737)	(325.019.695.403)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	15.133.830	198.301.564
- Nguyên giá	228		2.832.118.363	2.832.118.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.816.984.533)	(2.633.816.799)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.941.036.409</b>	<b>8.395.080.151</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	21.941.036.409	8.395.080.151
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.285.459.381</b>	<b>4.645.076.159</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.285.459.381	4.645.076.159
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>366.348.261.125</b>	<b>370.954.678.407</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>127.395.024.101</b>	<b>160.218.779.086</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45.008.124.156</b>	<b>58.587.103.948</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.834.880.863	3.828.949.636
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.345.802.598	852.006.115
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	507.440.708	-
4. Phải trả người lao động	314		4.335.320.989	3.796.111.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	695.722.358	5.896.491.714
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.580.181.811	25.824.233.762
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	15.144.245.028	15.144.245.028
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.564.529.801	3.245.066.321
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>82.386.899.945</b>	<b>101.631.675.138</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	21.069.799.147	25.170.329.312
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	61.316.491.709	76.460.736.737
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>238.953.237.024</b>	<b>210.735.899.321</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>238.953.237.024</b>	<b>210.735.899.321</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.639.647.492	46.047.345.680
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.440.034.616	67.814.998.725
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.131.117.933	17.162.012.527
- LNST chưa PP năm nay	421b		59.308.916.683	50.652.986.198
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>366.348.261.125</b>	<b>370.954.678.407</b>



Đình Ân  
Giám đốc  
Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thu Hòa  
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	193.704.334.577	182.350.486.942
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	193.704.334.577	182.350.486.942
3. Giá vốn hàng bán	11	21	116.124.769.759	111.628.276.528
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		77.579.564.818	70.722.210.414
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.313.005.529	9.183.177.502
6. Chi phí tài chính	22	24	5.256.997.644	6.178.272.543
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.256.997.644	6.178.272.543
7. Chi phí bán hàng	25	25	5.269.136.116	5.748.613.564
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	12.854.638.283	11.788.316.427
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		62.511.798.304	56.190.185.382
10. Thu nhập khác	31		8.481.798.661	5.414.067.513
11. Chi phí khác	32		2.786.080.523	2.403.419.439
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.695.718.138	3.010.648.074
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		68.207.516.442	59.200.833.456
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	8.778.599.759	7.557.847.258
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		59.428.916.683	51.642.986.198
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	5.186	4.561



Đình Ân  
Giám đốc  
Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thu Hòa  
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước (Trình bày lại)</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>68.207.516.442</b>	<b>59.200.833.456</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	27.375.708.068	28.073.995.330
- Các khoản dự phòng	03	3.527.891.979	2.595.594.507
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.313.005.529)	(9.183.177.502)
- Chi phí lãi vay	06	5.256.997.644	6.178.272.543
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>96.055.108.604</b>	<b>86.865.518.334</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.082.659.571)	(4.622.508.107)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.556.086.896	(1.024.040.907)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(18.145.205.503)	(22.541.281.073)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	430.691.267	1.806.515.145
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.338.052.101)	(6.262.819.214)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.613.563.236)	(6.000.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.162.433.300)	(8.241.050.470)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>53.699.973.056</b>	<b>39.980.333.708</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(15.263.125.385)	(9.249.654.775)
2. Tiền chi cho vay	23	(215.000.000.000)	(171.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	212.000.000.000	167.012.400.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.213.983.083	9.096.666.829
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.049.142.302)</b>	<b>(4.140.587.946)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.664.852.500)	(23.738.892.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(38.809.097.528)</b>	<b>(38.883.137.528)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>4.841.733.226</b>	<b>(3.043.391.766)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.205.808.164</b>	<b>9.249.199.930</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>11.047.541.390</b>	<b>6.205.808.164</b>



**Đình An**  
Giám đốc  
Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023

**Nguyễn Thu Hòa**  
Kế toán trưởng

**Lâm Đại Nam**  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty Cấp nước Ninh Thuận theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 16 tháng 09 năm 2008 và thay đổi lần thứ tư theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 13 tháng 6 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 272 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 273 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính****Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03
Tài sản cố định vô hình khác	03-25

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với Chính sách Kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính: thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Công ty đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, Vì vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Cổ đông
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Tiền mặt	100.183.400	120.609.800
Tiền gửi ngân hàng	10.947.357.990	6.085.198.364
<b>Cộng</b>	<b>11.047.541.390</b>	<b>6.205.808.164</b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (i)	19.345.018.450	13.264.646.118
Tiền lãi chậm thanh toán - Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (i)	1.789.607.370	1.560.308.221
Khách hàng dùng nước	1.111.130.368	1.316.904.278
Các đối tượng khác	212.799.960	192.584.460
<b>Cộng</b>	<b>22.458.556.148</b>	<b>16.334.443.077</b>

- (i) Đây là khoản phải thu tiền nước và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 01/10/2019 đến thời điểm 31/12/2022 của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (“Đông Mỹ Hải”) với mức giá đã được điều chỉnh từ 2.845 VND/m<sup>3</sup> (đã bao gồm thuế GTGT) lên thành mức giá 6.000 VND/m<sup>3</sup> (chưa bao gồm Thuế GTGT) theo Quyết định của Bản án Phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số 31). Đến hiện tại, Đông Mỹ Hải vẫn chưa thanh toán số tiền này cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh,  
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MÃU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (i)	13.028.161.367		13.028.161.367	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	279.689.284		38.272.731	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.220.915.079		3.351.191.782	
Tạm ứng	57.152.000		7.650.000	
Phải thu khác	478.045.236		403.275.283	
<b>Cộng</b>	<b>17.063.962.966</b>		<b>16.828.551.163</b>	

(i) Đây là phần tiền đối ứng của Công ty chuyển cho Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận để thực hiện công trình Hệ thống cấp nước Cà Ná. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán (Xem thêm Thuyết minh số 17).

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	19.345.018.450	5.770.757.945	13.264.646.118	2.711.702.416
Tiền lãi chậm thanh toán - Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.789.607.370	1.014.200.344	1.560.308.221	576.113.805
Khách hàng dùng nước	1.111.130.368	675.101.371	1.316.904.278	644.351.460
Các khách hàng khác	95.317.561	95.317.561	95.317.561	95.317.561
<b>Cộng</b>	<b>22.341.073.749</b>	<b>7.555.377.221</b>	<b>16.237.176.178</b>	<b>4.027.485.242</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.843.165.806	-	4.882.392.668	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	489.394.958	-	2.591.620.275	-
Hóa chất tồn kho cuối năm	1.009.872.064	-	1.196.990.350	-
<b>Cộng</b>	<b>6.342.432.828</b>	<b>-</b>	<b>8.671.003.293</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh,  
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	144.696.358	57.365.620
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	176.652.321	223.204.048
Bảo hiểm kết hợp con người	-	111.853.500
<b>Cộng</b>	<b>321.348.679</b>	<b>392.423.168</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí	3.798.735.101	4.237.096.799
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	274.350.812	339.732.189
Chi phí sửa chữa tài sản khác	212.373.468	68.247.171
<b>Cộng</b>	<b>4.285.459.381</b>	<b>4.645.076.159</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	822.893.096	5.079.450.427	4.632.595.342	376.038.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.128.857	8.778.599.759	7.613.563.236	53.092.334
Thuế thu nhập cá nhân	66.731.260	546.204.351	546.204.351	66.731.260
Thuế tài nguyên, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	106.789.920	863.188.520	863.078.480	106.679.880
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	1.325.506.398	2.665.189.834	3.102.768.925	1.763.085.489
<b>Cộng</b>	<b>3.540.049.531</b>	<b>17.932.632.891</b>	<b>16.758.210.334</b>	<b>2.365.626.974</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Phí dịch vụ thoát nước	-	5.927.808.742	5.420.368.034	507.440.708
Thuế nhà đất	-	19.151.388	19.151.388	-
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.955.960.130</b>	<b>5.448.519.422</b>	<b>507.440.708</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	63.282.901.397	35.110.394.884	370.647.401.992	1.166.149.799	553.274.710	470.760.122.782
- Mua trong năm	-	328.104.222	-	87.000.000	-	415.104.222
- Tặng từ XDCB hoàn thành	1.662.150.747	412.397.727	-	-	-	2.074.548.474
Số dư cuối năm	64.945.052.144	35.850.896.833	370.647.401.992	1.253.149.799	553.274.710	473.249.775.478
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	35.450.959.033	25.895.274.998	262.344.210.009	775.976.653	553.274.710	325.019.695.403
- Khấu hao trong năm	4.182.652.858	2.035.735.955	20.854.917.835	119.233.686	-	27.192.540.334
Số dư cuối năm	39.633.611.891	27.931.010.953	283.199.127.844	895.210.339	553.274.710	352.212.235.737
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	27.831.942.364	9.215.119.886	108.303.191.983	390.173.146	-	145.740.427.379
Tại ngày cuối năm	25.311.440.253	7.919.885.880	87.448.274.148	357.939.460	-	121.037.539.741

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 84.358.580.490 VND (tại ngày 31/12/2021 là 81.811.996.025 VND) và nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 13.202.064.119 VND (tại ngày 31/12/2021 là 13.202.064.119 VND). Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 1.189.772.322 VND (tại ngày 31/12/2021: 1.518.866.113 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phân mềm máy tính</b>	<b>Quyên khai thác nước mặt</b>	<b>TSCĐ vô hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	<u>1.817.072.000</u>	<u>466.500.000</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.832.118.363</u>
Số dư cuối năm	<u>1.817.072.000</u>	<u>466.500.000</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.832.118.363</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	<u>1.761.938.174</u>	<u>323.332.262</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.633.816.799</u>
- Khấu hao trong năm	<u>39.999.996</u>	<u>143.167.738</u>	<u>-</u>	<u>183.167.734</u>
Số dư cuối năm	<u>1.801.938.170</u>	<u>466.500.000</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.816.984.533</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<u>55.133.826</u>	<u>143.167.738</u>	<u>-</u>	<u>198.301.564</u>
Tại ngày cuối năm	<u>15.133.830</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.133.830</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.563.294.363 VND (tại ngày 31/12/2021 là 2.096.794.363 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 148.824.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là 148.824.000 VND).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m3/ngày đêm	18.496.470.954	6.839.266.572
Nâng công suất Nhà máy nước Tháp Chàm	2.232.822.289	688.534.644
Di dời tuyến ống cấp nước dọc 2 bên đường đôi vào TP.PR-TC	1.133.957.499	398.668.597
Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc NMN Tháp Chàm	-	420.831.824
Các công trình khác	77.785.667	47.778.514
<b>Cộng</b>	<u>21.941.036.409</u>	<u>8.395.080.151</u>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	1.395.428.400	1.395.428.400	1.319.165.100	1.319.165.100
Công ty TNHH Xây dựng An Nguyên	1.805.028.445	1.805.028.445	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Sông Dinh	696.518.338	696.518.338	160.007.807	160.007.807
Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu Thái Đạt	-	-	692.340.000	692.340.000
Công ty TNHH Long Vịnh	-	-	147.371.441	147.371.441
Các đối tượng khác	2.937.905.680	2.937.905.680	1.510.065.288	1.510.065.288
<b>Cộng</b>	<u>6.834.880.863</u>	<u>6.834.880.863</u>	<u>3.828.949.636</u>	<u>3.828.949.636</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	395.541.790	480.088.454
Chi phí đi dời đoạn đường ống Quốc lộ 1A	-	3.320.876.356
Chi phí đi dời đoạn đường ống Quốc lộ 1A theo hình thức hợp đồng BOT	-	1.866.168.719
Chi phí khác	300.180.568	229.358.185
<b>Cộng</b>	<b><u>695.722.358</u></b>	<b><u>5.896.491.714</u></b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Khoản đền bù đi dời các tuyến ống nước (i)	12.643.420.000	17.512.522.357
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	-	7.696.286.978
Cổ tức phải trả	133.705.433	71.455.433
Các khoản phải trả khác	803.056.378	543.968.994
<b>Cộng</b>	<b><u>13.580.181.811</u></b>	<b><u>25.824.233.762</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	21.069.799.147	25.170.329.312
<b>Cộng</b>	<b><u>21.069.799.147</u></b>	<b><u>25.170.329.312</u></b>

- (i) Đây là khoản tiền nhận hỗ trợ đi dời tuyến ống nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận) với số tiền 12.643.420.000 VND theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- (ii) Đây là giá trị xây dựng và cung cấp thiết bị của Hệ thống cấp nước Cà Ná do Công ty khai thác, vận hành và được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27/6/2014 với tổng nguyên giá là 46.866.616.290 VND. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06/05/2021 và Công văn số 4903/UBND-KTTH ngày 09/11/2022, UBND tỉnh Ninh Thuận thống nhất đề xuất của Sở Tài chính tỉnh về xử lý số tiền Công ty đã trích khấu hao theo hướng: tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của dự án. Tính đến 31/12/2022, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 25.796.817.143 VND (năm 2021 đã nộp số tiền 14.000.000.000 VND, năm 2022 đã nộp số tiền 11.796.817.143 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh

thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**MÁU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***18. VAY**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
		15.144.245.028				
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Nguồn vốn ADB (i)	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
Nguồn vốn AFD (ii)	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Nguồn vốn ADB (i)	76.460.736.737	76.460.736.737	-	15.144.245.028	61.316.491.709	61.316.491.709
Nguồn vốn AFD (ii)	73.898.522.640	73.898.522.640	-	13.436.095.028	60.462.427.612	60.462.427.612
	2.562.214.097	2.562.214.097	-	1.708.150.000	854.064.097	854.064.097
<b>Cộng</b>	<b>91.604.981.765</b>	<b>91.604.981.765</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>30.288.490.056</b>	<b>76.460.736.737</b>	<b>76.460.736.737</b>

(i) Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 – ADB 3 ngày 26/07/2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng VND tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 6 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01/12/2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5,8% và 0,2% phí quản lý.

(ii) Khoản vay vốn AFD là khoản vay vốn theo Hợp đồng Tín dụng vốn ODA số 01/2003/TDNN ngày 28/05/2003 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2011/PL-TDNN ngày 15/09/2011 với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Ninh Thuận. Công ty vay từ nguồn vốn AFD để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn. Tổng số vốn vay là 18.943.147.000 VND, lãi suất đi vay 5,8%/năm kèm theo phí phải trả Ngân hàng là 0,2%/năm; Thời hạn vay 22 năm trong đó có 9 năm ân hạn bắt đầu từ ngày ký Hiệp định vay vốn 02/04/2002. Trong thời kỳ ân hạn, các khoản lãi phát sinh sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/5 và 01/11 hàng năm. Khoản vay được chia làm 26 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 31/10/2011.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**18. VAY (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.144.245.028	15.144.245.028
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	60.576.980.112	60.576.980.112
Sau năm năm	739.511.597	15.883.756.625
	<b>76.460.736.737</b>	<b>91.604.981.765</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	15.144.245.028	15.144.245.028
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>61.316.491.709</b>	<b>76.460.736.737</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>1.965.140.000</b>	<b>32.870.997.543</b>	<b>62.777.742.713</b>	<b>192.522.295.172</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	51.642.986.198	51.642.986.198
Trích quỹ	-	-	13.176.348.137	(21.933.791.700)	(8.757.443.563)
Trả cổ tức	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(990.000.000)	(990.000.000)
Tăng khác	-	-	-	45.164.014	45.164.014
<b>Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>1.965.140.000</b>	<b>46.047.345.680</b>	<b>67.814.998.725</b>	<b>210.735.899.321</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	59.428.916.683	59.428.916.683
Trích quỹ (i)	-	-	12.592.301.812	(19.956.778.292)	(7.364.476.480)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>1.965.140.000</b>	<b>58.639.647.492</b>	<b>83.440.034.616</b>	<b>238.953.237.024</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 515/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2022, Công ty phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2021 như sau:
- Trích Quỹ đầu tư phát triển là 12.592.301.812 VND.
  - Trích Quỹ khen thưởng của người lao động là 5.577.788.845 VND và Quỹ khen thưởng của viên chức quản lý là 276.687.635 VND. Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2021 để chi tiền thưởng cho người lao động và viên chức quản lý là 990.000.000 VND, nên số trích lập bổ sung trong năm 2022 là 4.864.476.480 VND (trong đó có 4.677.788.845 VND là quỹ khen thưởng cho người lao động, 186.687.635 VND là quỹ khen thưởng của viên chức quản lý).
  - Trích Quỹ phúc lợi là 2.500.000.000 VND.
  - Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế là 23.727.102.500 VND (Cổ tức trên mỗi cổ phần là 2.500 VND/cổ phần).
- (ii) Theo Nghị quyết số 516/NQ-HĐQT ngày 28/04/2022, số 531/NQ-HĐQT ngày 22/07/2022, số 556/NQ-HĐQT ngày 19/10/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2022 trên lợi nhuận của năm 2022 để chi tiền thưởng cho viên chức quản lý Công ty với số tiền là 120.000.000 VND. Quyết định trích quỹ khen thưởng năm 2022 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023 của Công ty quyết định chính thức.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh  
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MÃU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 thay đổi lần thứ 4 ngày 13/06/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND. Tại ngày 31/12/2022, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	49.405.554.916	52,06%	49.405.554.916	52,06%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.502.860.000	47,94%	45.502.860.000	47,94%
- Do pháp nhân nắm giữ	42.056.960.000	44,31%	41.954.960.000	44,21%
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42,38%	40.224.860.000	42,38%
+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1,05%	1.000.000.000	1,05%
+ Đối tượng khác	832.100.000	0,88%	730.100.000	0,77%
- Do thể nhân nắm giữ	3.445.900.000	3,63%	3.547.900.000	3,74%
<b>Cộng</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>100%</b>	<b>94.908.414.916</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 23.664.852.500 VND (năm trước là 23.738.892.500 VND).

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	186.381.313.566	176.406.507.448
Doanh thu lắp đặt ống nước	7.323.021.011	5.873.979.494
<b>Cộng</b>	<b>193.704.334.577</b>	<b>182.350.486.942</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	110.934.941.052	107.290.374.027
Giá vốn lắp đặt ống nước	5.189.828.707	4.337.902.501
<b>Cộng</b>	<b>116.124.769.759</b>	<b>111.628.276.528</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.846.483.700	55.955.759.413
Chi phí nhân công	34.722.939.935	33.029.645.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.375.708.068	28.073.995.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.799.159.333	3.969.810.997
Chi phí dự phòng	3.527.891.979	2.595.594.507
Chi phí khác	5.976.361.143	5.540.400.389
<b>Cộng</b>	<b>134.248.544.158</b>	<b>129.165.206.519</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.083.706.380	8.523.047.101
Lãi chậm thanh toán (i)	229.299.149	660.130.401
<b>Cộng</b>	<b>8.313.005.529</b>	<b>9.183.177.502</b>

- (i) Đây là khoản lãi phát sinh từ việc thanh toán chậm của Đông Mỹ Hải theo bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 (xem Thuyết minh số 31).

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.256.997.644	6.178.272.543
<b>Cộng</b>	<b>5.256.997.644</b>	<b>6.178.272.543</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	1.252.557.737	1.416.310.414
Chi phí vật liệu, bao bì	3.799.380.379	4.205.887.150
Các khoản chi phí bán hàng khác	217.198.000	126.416.000
<b>Cộng</b>	<b>5.269.136.116</b>	<b>5.748.613.564</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	2.378.362.644	2.213.501.076
Chi phí vật liệu quản lý	484.526.159	386.487.016
Chi phí khấu hao TSCĐ	720.596.197	786.668.853
Thuế, phí và lệ phí	1.177.494.808	1.133.198.683
Chi phí dự phòng	3.527.891.979	2.595.594.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	939.757.913	1.518.215.282
Các khoản chi phí bằng tiền khác	3.626.008.583	3.154.651.010
<b>Cộng</b>	<b>12.854.638.283</b>	<b>11.788.316.427</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>68.207.516.442</b>	<b>59.200.833.456</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	4.013.333.370	3.107.749.498
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>72.220.849.812</b>	<b>62.308.582.954</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>72.220.849.812</b>	<b>62.308.582.954</b>
Thu nhập chịu thuế suất 10%	56.655.702.033	49.042.804.528
Thu nhập chịu thuế suất 20%	15.565.147.779	13.267.834.024
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.778.599.759</b>	<b>7.557.847.258</b>
Chi phí thuế theo thuế suất 10%	5.665.570.203	4.904.280.453
Chi phí thuế theo thuế suất 20%	3.113.029.556	2.653.566.805
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.778.599.759</b>	<b>7.557.847.258</b>

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.428.916.683	51.642.986.198
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.204.985.789)	(8.354.476.480)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	49.223.930.894	43.288.509.718
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.490.841	9.490.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>5.186</b>	<b>4.561</b>

Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số tạm ước tính. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023 của Công ty quyết định chính thức. Số năm trước được trình bày lại là do sự thay đổi của quỹ khen thưởng phúc lợi đã được quyết định bởi Đại hội cổ đông năm 2022 (lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi điều chỉnh lại là 4.427).

**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 19; trong năm, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
<b>Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận</b>		
Trả cổ tức	12.351.387.500	12.351.387.500
<b>Công ty TNHH XD và TM Sơn Long Thuận</b>		
Trả cổ tức	10.056.215.000	10.056.215.000
Mua sắm khác	114.023.000	59.525.000

**Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Phạm Hữu Sơn - Chủ tịch	511.418.120	479.445.284
Ông Đinh Ân - Thành viên	75.651.600	70.407.600
Ông Nguyễn Quốc Quyền - Thành viên	75.651.600	70.407.600
Ông Võ Ngọc Thoại - Thành viên	75.651.600	70.407.600
Ông Đinh Việt Sơn - Thành viên	75.651.600	70.407.600
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Đinh Ân - Giám đốc	491.665.052	460.487.656
Ông Đinh Việt Sơn - Phó Giám đốc	424.805.156	412.910.788
Ông Nguyễn Quốc Quyền - Phó Giám đốc	420.489.656	373.375.988
<b>Ban kiểm soát</b>		
Bà Bá Bạch Thủy Tiên - Trưởng ban	431.606.436	404.423.656
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm - Thành viên	60.522.000	56.326.800
Bà Vũ Đình Trúc Vi - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/4/2022)	20.174.000	56.326.800

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số chưa thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 2.835.578.628 VND (tại ngày 31/12/2021 là 536.616.384 VND), tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia không bao gồm số lãi dự thu tại ngày 31/12/2022 là 3.220.915.079 VND (tại ngày 31/12/2021 là 3.351.191.782 VND), tiền thanh toán lãi vay không bao gồm số lãi trích trước tại ngày 31/12/2022 là 395.541.790 VND (tại ngày 31/12/2021 là 480.088.454 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu và phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**31. TRÌNH BÀY LẠI**

Một số số liệu của năm trước được điều chỉnh và phân loại lại theo Kết luận của Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước; Hội quyết định cá biệt giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (gọi tắt "Đông Mỹ Hải"). Tại Bản án số 88/2022/KDTM-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: "Kể từ ngày 01/10/2019 hai bên thực hiện giá bán buôn nước theo mức giá 6.000 đồng/m<sup>3</sup> (chưa bao gồm VAT) cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới". Bản án phúc thẩm buộc Đông Mỹ Hải phải trả cho Công ty số tiền như sau:

+ Từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2019: đơn giá nước 2.845 VND/m<sup>3</sup> (Bao gồm thuế GTGT); từ ngày 01/10/2019 đến 30/11/2021: đơn giá nước 6.000 VND/m<sup>3</sup> (Chưa gồm thuế GTGT). Tổng số tiền Đông Mỹ Hải còn phải trả tính từ 01/10/2019 đến 30/11/2021 là 11.767.030.321 VND.

+ Tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ 01/10/2019 đến 30/11/2021 là 1.560.308.220 VND (được tính theo lãi tiền gửi 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 6,14%/năm).

+ Số tiền thuế VAT còn phải thanh toán là 1.081.045.200 VND (Thuế GTGT với thuế suất là 5%).

Theo quyết định của Bản án phúc thẩm, Công ty điều chỉnh lại các khoản mục từ năm 2018 đến năm 2021. Các khoản mục được trình bày lại như sau:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
<b><u>Bảng cân đối kế toán</u></b>			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Mã số	24.608.708.435	(8.274.265.358)	16.334.443.077
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 137)	(9.534.295.423)	5.506.810.181	(4.027.485.242)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Mã số 153)	2.433.159.165	1.106.890.366	3.540.049.531
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước (Mã số 421a)	20.096.356.288	(2.934.343.761)	17.162.012.527
LNST chưa phân phối năm nay (Mã số 421b)	49.379.207.248	1.273.778.950	50.652.986.198
<b><u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u></b>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	183.496.712.942	(1.146.226.000)	182.350.486.942
Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	8.523.047.101	660.130.401	9.183.177.502
Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26)	13.565.618.373	(1.777.301.946)	11.788.316.427
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51)	7.540.419.861	17.427.397	7.557.847.258
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)	50.369.207.248	1.273.778.950	51.642.986.198
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)	4.427	134	4.561
<b><u>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</u></b>			
Lợi nhuận trước thuế (Mã số 01)	57.909.627.109	1.291.206.347	59.200.833.456
Các khoản dự phòng (Mã số 03)	4.372.896.453	(1.777.301.946)	2.595.594.507
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (Mã số 05)	(8.523.047.101)	(660.130.401)	(9.183.177.502)
Tăng, giảm các khoản phải thu (Mã số 09)	(5.768.734.107)	1.146.226.000	(4.622.508.107)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**31. TRÌNH BÀY LẠI (Tiếp theo)**

Chi tiết số liệu điều chỉnh qua các năm như sau:

	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng cộng
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Mã số 131)	(2.664.618.120)	(4.633.402.096)	(432.838.243)	(543.406.899)	(8.274.265.358)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 137)	-	2.004.306.055	1.725.202.180	1.777.301.946	5.506.810.181
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Mã số 153)	381.640.636	654.094.161	31.271.666	39.883.903	1.106.890.366
+ Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	126.886.577	229.211.317	54.903.833	57.311.300	468.313.027
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	254.754.059	424.882.844	(23.632.167)	(17.427.397)	638.577.339
LNST chưa phân phối (Mã số 421)	(2.282.977.484)	(1.975.001.880)	1.323.635.603	1.273.778.950	(1.660.564.811)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	(2.537.731.543)	(4.584.226.343)	(1.098.076.666)	(1.146.226.000)	(9.366.260.552)
Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	-	180.035.564	720.142.256	660.130.401	1.560.308.221
Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26)	-	(2.004.306.055)	(1.725.202.180)	(1.777.301.946)	(5.506.810.181)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)	(2.537.731.543)	(2.399.884.724)	1.347.267.770	1.291.206.347	(2.299.142.150)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51)	(254.754.059)	(424.882.844)	23.632.167	17.427.397	(638.577.339)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)	(2.282.977.484)	(1.975.001.880)	1.323.635.603	1.273.778.950	(1.660.564.811)



Đinh Ân  
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thu Hòa  
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam  
Người lập biểu



**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/KDTM-PT

Ngày: 20 - 12 - 2022

V/v Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước; ~~Hủy~~ quyết định cá biệt

*Chuyên gia  
TK KL Liên  
206 km - Nguyễn Văn  
T.M. B. K. S.  
- Mai P. G.  
- Nguyễn Văn  
- Nguyễn Văn  
2*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
Số: 21  
**ĐẾN** Ngày: 06.04.23  
Chuyển: .....

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Công Mười

**Các Thẩm phán:** Ông Chung Văn Kết

Bà Lê Thúy Cầu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước; Hủy quyết định cá biệt”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận (NIWACO); Địa chỉ trụ sở: 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Đinh Ân, chức vụ: Giám đốc Công ty;

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Đinh Việt Sơn, Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty; có mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải; Trụ sở: 44 Lê Lợi, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Ngô Đình Thuận, chức vụ: Giám đốc;

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Phạm Phú Cường; Sinh năm 1981; thường trú: 56/15 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm

trú: Số 37, đường Huỳnh Tấn Phát, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Duyên Anh, Luật sư thành viên Công ty Luật Liên Kết, đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Địa chỉ: Số 30 đường 16/4, phường Kinh Dinh, TP.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn Nhựt, Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hồ Trọng Luật, Chức vụ: Phó Giám đốc; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Do có kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận; bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn: Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận do ông Đinh Viết Sơn là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 28/12/2012, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch cho Xí nghiệp cấp nước Đông Mỹ Hải (Nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải), đơn giá là 2.930 đồng/m<sup>3</sup>. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đơn giá bán nước sạch lần lượt được điều chỉnh theo Phụ lục số 01/2014/PLHĐ ngày 09/6/2014 là 3.150 đồng/m<sup>3</sup>; Phụ lục số 02/2015/PLHĐ ngày 03/02/2015 là 2.530 đồng/m<sup>3</sup> và Phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 là 2.845 đồng/m<sup>3</sup>.

Tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/5/2018, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đã báo cáo về việc giá bán nước theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước và các phụ lục hợp đồng này không còn phù hợp và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đàm phán lại giá bán nước với Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải. Ngày 20/6/2018, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đã mời Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải để thanh lý hợp đồng dịch vụ cấp nước và chốt chỉ số đồng hồ nước là 2.025.997 m<sup>3</sup>.

Căn cứ cuộc họp tại Sở Tài chính tỉnh ngày 13/7/2018 và Văn bản số 1917/STC-TCDN ngày 23/7/2018 của Sở Tài chính báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận đã thông báo và điều chỉnh giá bán nước cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải là 7.000 đồng/m<sup>3</sup>.

Tuy nhiên, Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận đã nhiều lần đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải thanh lý hợp đồng cũ và ký kết hợp đồng mới với giá 7.000 đồng/m<sup>3</sup> nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không đồng ý và đề nghị tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết vào ngày 28/12/2012 và phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 với giá bán là 2.845 đồng/m<sup>3</sup>.

Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Yêu cầu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ giữa Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải vì nếu tiếp tục thực hiện hợp đồng với giá bán nước là 2.845 đồng/m<sup>3</sup> sẽ gây thất thoát lớn phần vốn của Nhà nước, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông và người lao động của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

2. Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải phải trả số tiền mua nước theo đơn giá 7.000 đồng/m<sup>3</sup> còn thiếu từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2021 với tổng số tiền mua nước là 21.443.156.042 đồng (hai mươi một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu ngàn không trăm bốn mươi hai đồng).

3. Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả phát sinh từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2021 theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng là 2.098.713.400 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi tám triệu bảy trăm mười ba ngàn bốn trăm đồng).

\* Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải do ông Ngô Đình Thuận và ông Phạm Phú Cường đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải thừa nhận nội dung trình bày của Nguyên đơn về quá trình thương thảo, ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch ngày 28/12/2012 và các phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐ ngày 09/6/2014, Phụ lục số 02/2015/PLHĐ ngày 03/02/2015 và Phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017. Việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải và Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận thương thảo, ký kết hợp đồng và các phụ lục hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận vì các lý do sau đây:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được ghi nhận trong Hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng được ký kết với sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Do đó việc Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận yêu cầu thanh lý, chấm dứt hợp đồng là không phù

hợp với quy định pháp luật và không phù hợp với các nội dung đã thỏa thuận, cụ thể là tại Điều 7 Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch ngày 28/12/2012 về điều khoản chấm dứt hợp đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không có ý kiến về khối lượng tiêu thụ nước sạch do Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận cung cấp. Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không đồng ý với đơn giá 7.000 đồng/m<sup>3</sup> theo yêu cầu của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận. Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải chỉ đồng ý thanh toán tiền nước theo đơn giá đã ký kết tại hợp đồng và Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHD ngày 20/9/2017 là 2.845 đồng/m<sup>3</sup>. Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đã thanh toán đủ số tiền mua nước theo đơn giá 2.845 đồng/m<sup>3</sup>. Vì vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không đồng ý thanh toán số tiền mua nước là 21.443.156.042 đồng và phải trả khoản lãi chậm thanh toán là 2.098.713.400 đồng cho Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy các văn bản như sau:

1. Yêu cầu hủy Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

2. Yêu cầu hủy công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận trình bày:*

Tại văn bản số 3716/STC-GCSĐT ngày 14/10/2021, Sở Tài chính đã trình bày về việc công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải như sau:

1. Về quyết định công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

Về nguyên tắc xác định giá bán buôn nước sạch, do đơn vị cấp nước bán buôn cho đơn vị mua buôn nước để bán lẻ tự thỏa thuận, trong trường hợp không thống nhất được mức giá thì một trong hai bên (hoặc cả hai bên) có quyền yêu cầu Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên do Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không thỏa thuận được giá bán buôn nước

sạch để ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước; Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 145/TB-VPUB ngày 17/5/2019, giao Sở Tài chính là cơ quan quản lý về giá, rà soát lại các chi phí cơ cấu trong giá nước mới để chủ trì hiệp thương giá với 02 công ty vào báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

Ngày 07/6/2019, Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá (lần 2), hai bên vẫn chưa thống nhất được giá bán buôn nước sạch, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đề nghị giá bán buôn nước sạch là 7.000 đồng/m<sup>3</sup> (đã có VAT) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đề nghị giá mua nước sạch là 3.810 đồng/m<sup>3</sup> (Chưa có VAT).

Căn cứ quy định tại Khoản 7 Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính: “7. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ quan tổ chức hiệp thương giá (Cục Quản lý giá/Sở Tài chính) quyết định giá tạm thời để hai bên thực hiện”.

Cùng ngày 07/6/2019, Sở Tài chính tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan như: Sở Xây dựng, Cục Thuế, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội xác định giá bán buôn nước sạch của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, tiến hành rà soát các khoản mục chi phí trong cơ cấu giá nước; số liệu tính toán giá bán buôn nước sạch tạm thời theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận đề nghị mức giá bán buôn là 7.000 đồng/m<sup>3</sup> đã tính đúng, đủ trên tổng chi phí sản xuất kinh doanh và lợi nhuận định mức được tính mức tối thiểu 5%; tính giảm các chi phí gián tiếp như: chi phí khấu hao, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ trọng sản lượng nước cung cấp cho bên mua và không tính chi phí lắp đặt miễn phí, đề nghị lợi nhuận định mức của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận hưởng 3%; Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải hưởng 2% để thực hiện bán lẻ cho khách hàng; xác định giá thành đã có lợi nhuận 3% là 7.000 đồng/m<sup>3</sup> (chưa có VAT).

Sở Tài chính đã có Báo cáo số 1575/BC-STC ngày 12/6/2019 báo cáo UBND tỉnh về kết quả hiệp thương giá bán buôn nước sạch (lần 2) giữa Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại công văn số 4146/UBND-KTTH ngày 30/9/2019 về việc quyết định giá nước bán buôn tạm thời giữa Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

Giám đốc Sở Tài chính ban hành quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải, để 02 Công ty tiếp tục thương thảo về giá bán buôn nước sạch ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Về thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

Sở Tài chính nhận được hồ sơ hiệp thương giá của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải. Sau khi xem xét phương án giá của 02 công ty, Sở Tài chính không có cơ sở mời 02 Công ty vì mức giá đề nghị của 02 công ty về cơ bản không thay đổi so với mức giá đã tổ chức hiệp thương vào ngày 07/6/2019; Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận vẫn đề nghị giá bán buôn nước sạch là 7.000 đồng/m<sup>3</sup> còn Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đề xuất 02 phương án giá: giá mua buôn 1 là 2.571 đồng/m<sup>3</sup> và giá mua buôn 2 là 2.946 đồng/m<sup>3</sup> (thấp hơn giá trước đây Công ty đã đề nghị là 3.810 đồng/m<sup>3</sup>, chưa có VAT). Cho nên việc tiếp tục thỏa thuận đảm bảo nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa hai Công ty theo chỉ đạo của UBND tỉnh là không thể thực hiện được.

Ngày 09/6/2020, Sở Tài chính có Công văn số 1657/STC-VP đề nghị Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận xây dựng lại Phương án giá buôn nước sạch để tổ chức hiệp thương giá với Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải. Ngày 15/6/2020, Sở Tài chính nhận được hồ sơ hiệp thương giá của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận. Qua xem xét phương án giá hiệp thương của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận vẫn giữ nguyên giá bán buôn nước sạch là 7.000 đồng/m<sup>3</sup> (đã có VAT). Như vậy, 02 công ty vẫn không thỏa thuận được về giá bán buôn nước sạch, nên Sở Tài chính không có cơ sở mời 02 Công ty ngồi lại để tổ chức hiệp thương.

Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá theo quy định khoản 7 Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Do đó, Sở Tài chính đã có Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 về việc thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải, đề nghị 02 Công ty tiếp tục thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời theo Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 của Giám đốc Sở Tài chính cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

Việc giám đốc Sở Tài chính ban hành quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải; Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 về việc thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải để hai công ty tiếp tục thương thảo về giá buôn nước sạch ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước là đúng thẩm quyền và đúng pháp luật theo quy định của Luật giá và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Thuận. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

*\* Vụ án này trước đây đã được Tòa án hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm của tỉnh Ninh Thuận xét xử như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận đối với bị đơn Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 giữa Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải.

Buộc Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Ninh Thuận tổng số tiền 6.285.660.000 đồng, trong đó tiền nước còn nợ là 6.020.868.509 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 264.792.564 đồng.

Hai bên có trách nhiệm duy trì liên tục hệ thống cấp nước cho người dân, không để xảy ra tình trạng cắt nước ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân trong vùng phục vụ cấp nước cho đến khi ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước mới trên cơ sở giá theo Quyết định về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước và quy định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty cổ phần cấp nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định.

*\* Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 33/2020/KDTM-GĐT ngày 24/8/2020 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Chấp nhận Kháng nghị số 80/2020/QĐKN – GĐT ngày 01/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy toàn bộ bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-PT ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Quyết định Giám đốc thẩm nhận định như sau:

*...[3] Căn cứ vào sự thỏa thuận cam kết giữa các bên trong hợp đồng dịch vụ cấp nước, phụ lục hợp đồng và các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Tòa án hai cấp phải áp dụng mức giá nước bán buôn đã được UBND tỉnh Ninh Thuận và Sở Tài Chính chỉ đạo là 6.000đ/m<sup>3</sup> (chưa bao gồm thuế VAT) để giải quyết mới đúng. Việc Tòa án hai cấp áp dụng giá nước bán buôn 7.000đ/m<sup>3</sup> do Công ty cấp nước Ninh Thuận tự đưa ra và buộc Công ty Đông Mỹ Hải phải thanh toán cho Công ty cấp nước Ninh Thuận số tiền 6.020.868.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại cho bị đơn. Do đó cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và phúc thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại, khi giải quyết lại vụ án cần bám sát nội dung hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (nếu có) để giải quyết.*



\* *Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, quyết định:*

Căn cứ các Điều 30, 34, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 513, 519, 521 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 74, 85, 306 Luật Thương mại 2015; Điều 25 Luật giá.

Điều 44 khoản 3 của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Điều 3 khoản 1 và Điều 7 khoản 1 của Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các khu đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 hướng dẫn một số Điều của Luật giá; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị hủy: Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 và Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

2. Hủy 01 phần Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 giữa Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đông Mỹ Hải về giá nước tại Điều 3; Hủy Phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 giữa Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

3. Buộc bị đơn Công ty Đông Mỹ Hải trả cho Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận số tiền nước còn lại:

Từ ngày 01.7.2018 đến ngày 30.9.2019 là: **3.745.515.679** đồng (Ba tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm mười lăm ngàn sáu trăm bảy chín đồng)

Từ ngày 01.10.2019 đến ngày 30.11.2021 là: **13.053.685.642** đồng (Mười ba tỷ không trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám lăm ngàn sáu trăm bốn hai đồng). Trong đó: nợ tiền nước chưa thanh toán là 11.766.802.678 đồng (Mười một tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bảy tám đồng) và tiền lãi là 1.286.882.964 đồng (Một tỷ hai trăm tám sáu triệu tám trăm tám hai ngàn chín trăm sáu mươi bốn đồng).

Tổng cộng bị đơn Công ty Đông Mỹ Hải phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận là: **16.799.201.321** đồng (Mười sáu tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu hai trăm lẻ một ngàn ba trăm hai một đồng).

4. Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải duy trì hệ thống cấp nước cho người dân cho đến khi các bên ký thỏa thuận mới.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 khoản 2 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 23/12/2021, nguyên đơn Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và ngày 29/12/2021, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:*

- Kháng cáo của nguyên đơn Công ty cấp nước tỉnh Ninh Thuận đề nghị hủy hợp đồng dịch vụ cấp nước và các phụ lục hợp đồng là không có cơ sở vì hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đều đúng quy định của pháp luật, các bên khi tham gia ký kết hợp đồng đều tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu về giá nước và lãi chậm trả xét thấy: Do giá nước phải căn cứ vào giá đã quy định tại hợp đồng. Theo đó, kể từ thời điểm quyết định số 72 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận quy định về giá nước tạm thời, thì áp dụng giá nước này.

- Đối với yêu cầu về việc chấp nhận yêu cầu lãi chậm trả là không có cơ sở vì các bên hiện đang tranh chấp về giá nước, nên chưa đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

- Từ đó cho thấy, việc nguyên đơn yêu cầu tính giá nước 7.000 đồng/m<sup>3</sup> là không có cơ sở để chấp nhận.

Việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là đã gây thiệt hại cho bị đơn.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2, ông Phạm Phú Cường là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc trở ngại khách quan; đồng thời Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị tiếp tục xét xử; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết nhanh vụ án... Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử

vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty Đông Mỹ Hải về việc hủy Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Đông Mỹ Hải (viết tắt là *Quyết định số 72*) và hủy Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cấp nước Ninh Thuận và Công ty Đông Mỹ Hải (viết tắt là *Công văn số 1788*):

Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận quyết định về giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Đông Mỹ Hải nên đây là quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ cấp nước, Công ty Đông Mỹ Hải có phản tố yêu cầu hủy quyết định hành chính nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết trong cùng vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Việc xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận là vấn đề mấu chốt, ảnh hưởng toàn bộ đến việc giải quyết vụ án này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính- Bộ Xây dựng- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì giá bán buôn nước sạch do bên bán và bên mua thỏa thuận trên cơ sở đảm bảo lợi ích của các bên và không cao hơn giá bán lẻ do cấp có thẩm quyền quy định. Trong trường hợp không thống nhất được mức giá thì một trong hai bên (hoặc cả hai bên) có quyền yêu cầu Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật. Trong vụ án, nguyên đơn cho rằng giá bán buôn nước là 2.845 đồng/m<sup>3</sup> theo Hợp đồng 28/12/2012 và Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 không còn phù hợp nên đề nghị áp dụng mức giá mới 7.000 đồng/m<sup>3</sup>. Bị đơn không đồng ý và đề nghị tính theo giá cũ. Như vậy, các bên không thống nhất được mức giá và có tranh chấp về mức giá bán buôn nước sạch. Do đó, nguyên đơn đề nghị Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá là có cơ sở. Đồng thời, Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá là đúng quy định nêu trên.

Sau khi tổ chức hiệp thương giá, các bên vẫn không thống nhất được nên Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh. Trên cơ sở ý kiến của UBND tỉnh tại Công văn số 4146/UBND-KTTH ngày 30/9/2019, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời giữa 02 công ty là 6.000 đồng/m<sup>3</sup> (chưa có VAT). Theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT- BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính thì "*Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ*

quan tổ chức hiệp thương giá (Cục Quản lý giá/Sở Tài chính) quyết định giá tạm thời để hai bên thực hiện". Như vậy, Sở Tài chính ban hành Quyết định số 72/QĐ-STC là đúng thẩm quyền.

Cũng theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT- BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính thì, hết thời hạn 06 tháng, các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá. Do đó, Sở Tài chính ban hành Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời giữa 02 công ty, đề nghị 02 công ty thực hiện bán buôn nước sạch tạm thời theo Quyết định số 72/QĐ-STC cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá là đúng quy định pháp luật.

Tại Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch của Công ty nước Ninh Thuận với giá tiêu thụ nước sạch bình quân là 9.114 đồng/m<sup>3</sup>. Trong đó, có quy định biểu giá nước sạch cho các đối tượng khác nhau, thấp nhất là giá bán cho các hộ nghèo và các gia đình chính sách là 5.000 đồng/m<sup>3</sup> (với mức tiêu thụ từ 1m<sup>3</sup> đến 5m<sup>3</sup>/tháng), giá bán cho các hộ dân cư là 7.000 đồng/m<sup>3</sup> (với mức tiêu thụ từ 1m<sup>3</sup> đến 15m<sup>3</sup>/tháng), các đối tượng còn lại thì đều cao hơn. Vì vậy, giá bán buôn tạm thời tại Quyết định số 72/QĐ-STC (6.000 đồng/m<sup>3</sup> giá chưa có VAT) của Sở Tài chính không trái với Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh-Ninh Thuận (không cao hơn giá bán lẻ do cấp có thẩm quyền quy định).

Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận được ban hành là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty cấp nước Ninh Thuận về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nước từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/11/2021 theo đơn giá 7.000 đồng/m<sup>3</sup> và kháng cáo của bị đơn Công ty Đông Mỹ Hải về việc đề nghị tiếp tục thực hiện giá bán buôn nước theo Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHD ngày 20/9/2017 là 2.845 đồng/m<sup>3</sup>:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nước còn thiếu từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/11/2021 theo đơn giá 7.000 đồng/m<sup>3</sup> và tiền lãi chậm trả phát sinh. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán theo đơn giá 2.845 đồng/m<sup>3</sup>, đã bao gồm VAT (theo Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHD ngày 20/9/2017).

Như đã phân tích tại mục [2.1], Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận là có hiệu lực, ràng buộc nghĩa vụ của 02 công ty trong việc thực hiện giá bán buôn kể từ ngày 01/10/2019. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn theo mức giá 6.000 đồng/m<sup>3</sup> kể từ ngày 01/10/2019 (ngày ban

hành Quyết định số 72) đến ngày 30/11/2021 là đúng.

Tuy nhiên, căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017, thì giá bán buôn nước sạch của 02 công ty đang thực hiện theo thỏa thuận là 2.845 đồng/m<sup>3</sup>, giá đã có VAT. Thỏa thuận này là tự nguyện, không trái Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch. Từ khi hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng số 03 (ngày 20/9/2017) đến trước ngày 01/10/2019 thì UBND tỉnh chưa có quyết định khác thay thế Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND để điều chỉnh giá nước sạch mới, Sở Tài chính cũng chưa công bố giá nước tạm thời cho hai bên, nên về nguyên tắc các bên vẫn phải thực hiện theo giá thỏa thuận tại Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 mà hai bên đã ký kết là 2.845 đồng/m<sup>3</sup>, giá đã có VAT. Như vậy, từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2019, giá bán nước sạch của 02 công ty là 2.845 đồng/m<sup>3</sup>, đã có VAT. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn về giá bán nước thực tế cho các hộ dân sử dụng là 7.000 đồng/m<sup>3</sup> và giá bán nước cho hoạt động sản xuất, kinh doanh là 12.000 đồng/m<sup>3</sup> để cho rằng, với giá mua vào là 5.000 đồng/m<sup>3</sup> thì phía bị đơn vẫn có lãi và để giảm thiệt hại cho nguyên đơn nên đã lấy giá bán lẻ thấp nhất cho hộ gia đình chính sách là 5.000 đồng/m<sup>3</sup> (Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND) để áp dụng cho giá bán buôn nước của Công ty cấp nước Ninh Thuận với Công ty Đông Mỹ Hải trong thời gian từ khi tranh chấp phát sinh ngày 01/7/2018 đến khi có giá tạm thời do Sở Tài chính ban hành ngày 30/9/2019 là không có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn theo đơn giá 6.000 đồng/m<sup>3</sup> kể từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021, đây là giá chưa bao gồm VAT, nhưng không buộc bị đơn trả cả tiền thuế VAT cho nguyên đơn là thiếu sót.

Về tiền lãi chậm trả phát sinh, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ tính toán trên cơ sở số tiền chậm trả tương đương theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung này là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và tính toán lại số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn, thuế VAT, tiền lãi chậm trả phát sinh cụ thể như sau:

- Số tiền nước bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn:

Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2019, tính theo đơn giá 2.845 đồng/m<sup>3</sup> (đã bao gồm VAT): số m<sup>3</sup> nước đã tiêu thụ là 1.738.057 m<sup>3</sup> x 2.845 đồng = 4.944.772.165 đồng.

Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021, tính theo đơn giá 6.000 đồng/m<sup>3</sup>

(chưa bao gồm VAT): số m<sup>3</sup> nước đã tiêu thụ là 3.603.484 m<sup>3</sup> x 6.000 đồng = 21.620.904.000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn đã trả theo đơn giá 2.845 đồng/m<sup>3</sup> từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/11/2021 là 14.798.643.000 đồng. Trong đó: Số tiền đã trả cho từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2019 là 4.944.769.321 đồng; Số tiền đã trả cho từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021 là 9.853.873.679 đồng.

Như vậy, số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn (từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021): 21.620.904.000 đồng - 9.853.873.679 đồng = 11.767.030.321 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn: Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất 03 ngân hàng thương mại, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Tại BL 804, Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 6,14%/năm (tương đương 0,51%/tháng). Tiền lãi chậm trả được tính trên số tiền chậm trả là 11.767.030.321 đồng, trong thời gian từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021: 11.767.030.321 đồng x 0,51%/tháng x 26 tháng = 1.560.308.220 đồng.

- Số tiền thuế VAT bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021, tính theo đơn giá 6.000 đồng/m<sup>3</sup> (chưa bao gồm VAT) với số tiền nước đã bán là 21.620.904.000 đồng, thuế suất VAT là 5%. Vì vậy, số tiền thuế VAT bị đơn phải trả là: 21.620.904.000 đồng x 5% = 1.081.045.200 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cấp nước Ninh Thuận về việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017:

Theo quy định của pháp luật thì hoạt động sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch là hoạt động kinh doanh chịu sự kiểm soát của Nhà nước (*Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ*). Giá tiêu thụ nước sạch cũng được Nhà nước điều tiết để đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty Đông Mỹ Hải là đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chấp thuận là đơn vị được ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với Công ty cấp nước Ninh Thuận với nhiệm vụ tiếp nhận, đầu nối nguồn nước sạch của Công ty cấp nước Ninh Thuận để bán cho người dân theo sự phân vùng của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Như vậy, hợp đồng cấp nước giữa hai công ty ngoài việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tự chủ, có lãi thì phải đảm bảo an sinh xã hội và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Ngoài ra, lý do đề nghị chấm dứt hợp đồng của Công ty cấp nước Ninh Thuận (hai bên không thỏa thuận được giá bán nước mới) không thuộc trường hợp phải chấm dứt hợp đồng theo

quy định tại Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và không thuộc trường hợp phải chấm dứt hợp đồng do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012.

Ngày 01/10/2019, Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-STC công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Đông Mỹ Hải. Do đó, giá các bên thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 không còn hiệu lực kể từ ngày 01/10/2019 và hai bên thực hiện giá bán buôn mới kể từ ngày 01/10/2019 theo mức giá 6.000 đồng/m<sup>3</sup>, nên không cần thiết phải hủy một phần hợp đồng dịch vụ cấp nước về giá nước.

Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 ngoài việc điều chỉnh giá nước đã hết hiệu lực, còn điều chỉnh các nội dung khác ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn hủy toàn bộ Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 là không đúng, không còn cơ sở để các bên tiếp tục thực hiện các thỏa thuận khác.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017. Kể từ ngày 01/10/2019 hai bên thực hiện giá bán buôn nước theo mức giá 6.000 đồng/m<sup>3</sup> (chưa bao gồm VAT).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận: 24.894.468.476 đồng – (11.767.030.321 đồng + 1.560.308.220 đồng) = 11.567.129.935 đồng. Cách tính: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng (là 0,1% x 7.567.129.935 đồng) = 119.567.129 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 11.767.030.321 đồng + 1.560.308.220 đồng = 13.327.338.541 đồng. Cách tính: Cách tính: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng (là 0,1% x 9.327.338.541 đồng) = 121.327.338 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng: Các Điều 30, 34, 39, 147, 148, 293, 308, 309, 313 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 513, 519, 521 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74, 85, 87, 306 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xir:*

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận về việc yêu cầu Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải thanh toán tiền mua nước và tiền lãi chậm trả.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận về việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHD ngày 20/9/2017. Kể từ ngày 01/10/2019 hai bên thực hiện giá bán buôn nước theo mức giá 6.000 đồng/m<sup>3</sup> (chưa bao gồm VAT) cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải về việc hủy Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 và hủy Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

- Buộc Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải trả cho Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận số tiền nước là 11.767.030.321 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.560.308.220 đồng. Tổng cộng là 13.327.338.541 đồng (*mười ba tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi một đồng*).

- Buộc Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải trả cho Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận tiền thuế VAT là 1.081.045.200 đồng (*một tỷ không trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

***Về án phí.***

+ **Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

- Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận phải chịu 119.567.129 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ 53.664.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017840 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Còn phải nộp 65.903.129



đồng (sáu mươi lăm triệu chín trăm lẻ ba ngàn một trăm hai mươi chín đồng).

- Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải chịu 121.327.338 đồng (một trăm hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000440 ngày 27/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000444 ngày 04/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Phạm Công Mười**